

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày 15 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN- TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Nguyên Hồng

Bà Lò Lệ Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tuấn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình S; Tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 02 năm 1989 tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: không; con ông Nguyễn Đình K và bà Đỗ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị L; có 02 người con sinh năm 2010 và năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2019. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Tiến D – Công ty Luật TNHH Thiên Hòa, Hà Nội. Địa chỉ: Số 28, ngõ 112, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1955. Trú tại: thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị L. Sinh năm 1992. Trú tại: thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Trần A. Sinh năm: 1991. Trú tại: thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Trần Ngọc Đ. Sinh năm: 1991. Trú tại: xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Lê Văn N. Sinh năm: 1989. Trú tại: thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/9/2019, S đã mua hồng phiến của một người đàn ông tên P (ở khu vực bản Phiêng Hinh, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) 01 gói nilon màu xanh chứa 22 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu “WY” trị giá 1.200.000đ. Sau đó, S đi về nhà cho các viên nén vào 03 đoạn ống hút hình trụ tròn màu trắng (mỗi ống 08 viên) cất giấu vào ví da mục đích để sử dụng và bán với giá 75.000VNĐ/01 viên hồng phiến.

Đến khoảng 11 giờ ngày 11/9/2019, S đến nhà Nguyễn Trung D (trú tại tiểu khu 6, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn) và cùng D sử dụng hết 02 viên Hồng phiến. Từ lúc đến khi bị bắt quả tang, S đã bán ma túy 4 lần cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 11/9/2019, sau khi sử dụng ma túy cùng với D, trên đường đi về nhà thì gặp A. S bán cho A 02 viên hồng phiến với giá 150.000VNĐ.

Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 12/9/2020, sau khi A và Trần Ngọc Đ sử dụng hết số ma túy A mua của S trước đó. A tiếp tục gọi điện và giao dịch với S qua điện thoại, bảo Đ chuyển khoản vào tài khoản 7904.205.220.533 của L (vợ S) số tiền 150.000đ để mua tiếp 2 viên hồng phiến. Khi nhận được báo chuyển khoản tiền, S đã mang ma túy (02 viên hồng phiến) đến khu vực Nhà văn hóa tiểu khu 1 và để ở gốc cây phượng. Sau đó A ra lấy về cùng Đ sử dụng.

Lần 3: Sau khi sử dụng hết 02 viên hồng phiến mua được. A và Đ tiếp tục gọi điện cho S hỏi mua thêm 02 viên Hồng phiến đồng thời tiếp tục bảo Đ chuyển 150.000VNĐ vào số tài khoản 7904.205.220.533. Nhận được tiền chuyển vào tài khoản, S mang 02 viên Hồng phiến đến cổng nhà A đưa cho A rồi đi về. A cầm 02 viên Hồng phiến vào nhà cùng Đ sử dụng.

Lần 4: Sau đó, Đ tiếp tục bảo A hỏi mua thêm Hồng phiến để sử dụng, A bảo Đ chuyển tiền vào tài khoản 7904.205.220.533, Đ đồng ý và chuyển 140.000VNĐ. A gọi điện thoại cho S nhưng do S không nghe điện thoại nên A nhắn tin cho S hỏi mua thêm Hồng phiến rồi hẹn Đ đến tối quay lại nhà cùng sử dụng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, A rủ Đ và Nam cùng đến nhà A để cùng nhau sử dụng ma túy. Sau đó, A gọi điện thoại cho S hỏi mua thêm Hồng phiến và bảo Đ đã chuyển tiền trước vào tài khoản, S đồng ý mang Hồng phiến đến nhà

cho A. Một lúc sau, S mang theo ví da đựng 16 viên Hồng phiến sang nhà A. Sau khi đến nhà A, cả Đ, Nam, A và S đều ngồi tại phòng khách để nói chuyện. S nói với A bảo Nam và Đ cùng góp thêm tiền để mua thêm Hồng Phiến. A hỏi Đ và Nam thì mỗi người đưa cho A 50.000VNĐ. Sau khi nhận tiền, A góp thêm 100.000VNĐ rồi đưa cho S tổng số tiền là 200.000VNĐ. S cất tiền vào ví và lấy 05 viên Hồng phiến trong ống hút hình trụ tròn màu trắng đưa cho A. Do trả thiếu 35.000 VNĐ nên S cùng sử dụng Hồng phiến với A, Đ và Nam để trừ vào số tiền còn thiếu. Số Hồng phiến còn lại S cho vào ví da màu nâu và cất giấu ở túi bên phải phía trong áo khoác S đang mặc.

Sau đó, S đi về nhà, khi đi đến khu vực tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn thì bị tổ công tác Công an huyện Mai Sơn phát hiện bắt quả tang. Tiến hành kiểm tra phát hiện bên trong ví da có 03 ống nhựa hình trụ tròn màu trắng, trong đó: ống thứ nhất chứa 06 viên nén màu hồng; ống thứ hai chứa 03 viên nén màu hồng; ống thứ ba chứa 01 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh, nghi là ma túy tổng hợp. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S, thu giữ niêm phong vật chứng nêu trên. Ngoài ra còn tạm giữ của S: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen kèm theo 02 sim điện thoại, 1.450.000VNĐ và 01 ví da màu nâu.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở, đồ vật của Nguyễn Đình S tại tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, kết quả tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI màu trắng, 01 điện thoại hiệu IPHONE 6 màu trắng kèm theo 01 sim điện thoại và 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh kèm theo 02 sim điện thoại (tại đầu giường trong buồng ngủ của S); 01 điều tự chế bằng chai nhựa màu trắng, có gắn ống hút bằng nhựa màu xanh dùng để sử dụng ma túy (tại gầm giường trong buồng ngủ của S); 479.000.000VNĐ (trong két sắt tại buồng ngủ của S).

Quá trình điều tra, A, Đ, Nam đã khai nhận toàn bộ sự việc phù hợp với lời khai của Nguyễn Đình S.

Ngày 13/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Mai Sơn phối hợp với Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong, cân tịnh vật chứng thu giữ của Nguyễn Đình S lấy mẫu trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1489 ngày 16/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, kết luận: *Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,91 gam loại Methamphetamine.*”

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 14/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình S về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng để sung công nhà nước.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư do công an huyện Mai Sơn phát hành, bên trong chứa vỏ bì thư niêm phong vật chứng ban đầu, các ống hình trụ tròn có màu trắng bằng nhựa chứa ma túy ban đầu. Mặt trước phong bì ghi chữ: *“Vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu, các ống hình trụ tròn màu trắng bằng nhựa chứa ma túy ban đầu trong vụ Nguyễn Đình S tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 12/9/2019 tại tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La”*. Mặt sau phong bì được niêm phong đúng quy định, còn nguyên dấu niêm phong, không bóc mở niêm phong kiểm tra; 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa màu trắng có gắn ống hút bằng nhựa màu xanh đã qua sử dụng cũ; 01 ví da cá sấu màu nâu đen, đã qua sử dụng cũ; 01 phong bì thư do Công an huyện Mai Sơn phát hành, bên trong đựng que thử nước tiểu đối với Nguyễn Đình S. Mặt trước phong bì có ghi *“que thử nước tiểu đối với Nguyễn Đình S ngày 16/9/2019”* Mặt sau phong bì được niêm phong theo đúng quy định, còn nguyên niêm phong, không bóc mở niêm phong kiểm tra.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen kèm 02 sim. Số tiền 440.000 đồng do Nguyễn Thị L giao nộp là tiền bị cáo S bán ma túy có được; 350.000.000 đồng tiền thu giữ khi bắt quả tang bị cáo S.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu itel màu xanh; 1.450.000 đồng thu giữ của Nguyễn Đình S.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 thẻ ATM mang số 9704 0509 2258 2981, mang tên “NGUYEN THI L” của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank); 01 điện thoại nhãn hiệu Huawel màu trắng; 01 điện thoại hiệu IPHONE.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà Đỗ Thị V số tiền 479.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Người liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Đình S. Việc bị cáo sử dụng số tài khoản của chị để giao dịch mua bán ma túy với A chị không biết. Số tiền do A, Đ chuyển vào chị đã rút ra chi tiêu hết. Giai đoạn điều tra, chị đã nộp lại số tiền 440.000đồng cho cơ quan điều tra. Việc xử lý số tiền trên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người liên quan bà Đỗ Thị V trình bày: Số tiền 479.000.000đồng là số tiền của bà không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo S. Tại giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả lại số tiền trên cho bà. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận việc trả lại vật chứng của cơ quan điều tra.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với tội danh, điều luật, khung khoản do Viện kiểm sát truy tố. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo thì thấy rằng:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, rằng bị cáo đã bán ma túy 4 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 11/9/2019, sau khi sử dụng ma túy cùng với D, trên đường đi về nhà thì gặp A. S bán cho A 02 viên hồng phiến với giá 150.000VNĐ.

Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 12/9/2020, sau khi A và Trần Ngọc Đ sử dụng hết số ma túy A mua của S trước đó. A tiếp tục gọi điện và giao dịch với S qua điện thoại, bảo Đ chuyển khoản vào tài khoản 7904.205.220.533 của L (vợ S) số tiền 150.000đ để mua tiếp 2 viên hồng phiến. Khi nhận được báo chuyển khoản tiền, S đã mang ma túy (02 viên hồng phiến) đến khu vực Nhà văn hóa tiểu khu 1 và để ở gốc cây phượng. Sau đó A ra lấy về cùng Đ sử dụng.

Lần 3: Sau khi sử dụng hết 02 viên hồng phiến mua được. A và Đ tiếp tục gọi điện cho S hỏi mua thêm 02 viên Hồng phiến đồng thời tiếp tục bảo Đ chuyển 150.000VNĐ vào số tài khoản 7904.205.220.533. Nhận được tiền chuyển vào tài khoản, S mang 02 viên Hồng phiến đến cổng nhà A đưa cho A rồi đi về. A cầm 02 viên Hồng phiến vào nhà cùng Đ sử dụng.

Lần 4: Khoảng 21 giờ cùng ngày, A rủ Đ và Nam cùng đến nhà A để cùng nhau sử dụng ma túy. Sau đó, A gọi điện thoại cho S hỏi mua thêm Hồng phiến và bảo Đ đã chuyển tiền trước vào tài khoản (số tiền 140.000đ từ trưa). S đồng ý mang Hồng phiến đến nhà cho A. Sau khi đến nhà A, cả Đ, Nam, A và S đều ngồi tại phòng khách để nói chuyện. S nói với A bảo Nam và Đ cùng góp thêm tiền để mua thêm Hồng Phiến. A hỏi Đ và Nam thì mỗi người đưa cho A 50.000VNĐ. Sau khi nhận tiền, A góp thêm 100.000VNĐ rồi đưa cho S tổng số

tiền là 200.000VNĐ. S cất tiền vào ví và lấy 05 viên Hồng phiến trong ống hút hình trụ tròn màu trắng đưa cho A. Do trả thiếu 35.000 VNĐ nên S cùng sử dụng Hồng phiến với A, Đ và Nam để trừ vào số tiền còn thiếu.

Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra được thể hiện tại các bản tự khai do chính bị cáo tự viết trong các ngày 13, 16, 19, 21, 23 tháng 9 năm 2019, 26/10/2019, 24/11/2019 (BL số 164 đến 174); biên bản hỏi cung bị can ngày 23/9/2019, ngày 24/11/2019 (BL số 154 đến 163). Và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của Trần A (BL số 179 đến 186); bản tự khai, biên bản ghi lời khai đối với Trần Ngọc Đ (BL số 191 đến 195); bản tự khai, biên bản ghi lời khai đối với Lê Văn Nam (BL số 201 đến 205) về thời gian, địa điểm, cách thức giao dịch, lượng tiền và lượng ma túy mỗi lần mua bán. Lời khai của bị cáo, của A, Đ, Nam còn phù hợp với lịch sử giao dịch, số tiền giao dịch chuyển tiền vào tài khoản từ tài khoản của Trần Ngọc Đ sang tài khoản của Nguyễn Thị L (vợ bị cáo) (BL số 48); phù hợp với tin nhắn trao đổi giữa bị cáo và A (BL số 48, 49); nhật ký cuộc gọi thoại giữa A và bị cáo (BL số 46, 47).....

Ngoài ra, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồ sơ 22 giờ 30 phút ngày 12/9/2020, cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo số ma túy được giám định là 0,91gam Methamphetamine. Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, bị cáo đều khai bị cáo để sử dụng và bán kiếm lời.

Như vậy, với những chứng cứ trên có đủ căn cứ xác định: Trong hai ngày 11 và 12/9/2019 S đã bán trái phép 03 lần bán mỗi lần 02 viên Methamphetamine cho Trần A với giá 75.000VNĐ/01 viên và 01 lần bán 05 viên Methamphetamine cho Trần A, Trần Ngọc Đ và Lê Văn Nam với giá 340.000VNĐ. Ngày 12/9/2019 Nguyễn Đình S bị Tổ công tác Công an huyện Mai Sơn bắt quả tang khi đang tàng trữ 0,91 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 251 BLHS năm 2015 quy định: Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên”

Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[2] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà

nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dân sự. Biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi bị bắt quả tang hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã tự thú khai ra các lần mua bán ma túy đối với các đối tượng A, Nam, Đ. Bố của bị cáo là thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt. HĐXX thấy rằng:

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Có hai tình tiết định khung hình phạt: Bán nhiều lần (4 lần) và bán cho nhiều người (3 người). Điều đó thể hiện sự táo bạo, quyết tâm, cố ý thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư. HĐXX sẽ áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định tương xứng với tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng có giá trị. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi. Cơ quan điều tra cũng đã thu giữ của bị cáo một số tài sản có giá trị. Do vậy, HĐXX quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt 1.000.000 đồng để sung công Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì xác định như sau:

Đối với vỏ phong bì niêm phong tang vật ban đầu, ống hình trụ đựng ma túy ban đầu, 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa màu trắng có gắn ống hút bằng nhựa màu xanh đã qua sử dụng cũ; 01 ví da cá sấu màu nâu đen, đã qua sử dụng cũ; que thử nước tiểu đối với Nguyễn Đình S ngày 16/9/2019 là công cụ phương

tiện sử dụng vào việc phạm tội và là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen kèm 02 sim; là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy. Số tiền 350.000đ (là tiền trực tiếp bị cáo cầm khi bán ma túy lần thứ nhất và lần thứ 4 cho các đối tượng) và Số tiền 440.000đồng do Nguyễn Thị L giao nộp là tiền bị cáo S bán ma túy có được cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Các vật chứng khác không liên quan đến việc phạm tội cần trao trả lại cho chủ sở hữu. Cụ thể: Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu itel màu xanh; số tiền 1.450.000đồng. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 thẻ ATM mang số 9704 0509 2258 2981, mang tên “NGUYEN THI L” của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank); 01 điện thoại IPHONE 6 màu trắng kèm 01 sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Huawel màu trắng;

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà Đỗ Thị V số tiền 479.000.000đồng

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về các vấn đề khác:

[7.1] Về nguồn gốc Methamphetamine bị thu giữ, Nguyễn Đình S khai mua của một người đàn ông tên P trú tại bản Phiêng Hỉnh, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (việc mua bán không có người chứng kiến). Cơ quan điều tra xác minh tại địa chỉ trên có một đối tượng tên Cú A P, sinh năm 1991 tuy nhiên ngày 18/9/2019 P bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn bắt quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và đến ngày 29/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy và Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Tiến hành ghi lời khai và cho Cú A P đối chất với Nguyễn Đình S, kết quả P không phải là người bán ma túy cho Nguyễn Đình S. Ngoài lời khai của Nguyễn Đình S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án. Buộc bị can phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án.

[7.2] Đối với Trần A, Trần Ngọc Đ, Lê Văn Nam và Nguyễn Trung D đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 31/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với A, Đ, Nam, D theo quy định tại

Khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐCP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

[7.3] Đối với Nguyễn Thị L (vợ của S) là chủ tài khoản ngân hàng Agribank số 7904205220533, quá trình điều tra xác định L mở tài khoản trên tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mai Sơn vào ngày 08/8/2017, mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh. L và S sử dụng chung tài khoản nên việc Trần Ngọc Đ 3 lần chuyển tổng số tiền 440.000VNĐ vào số tài khoản 7904205220533 (để thanh toán tiền mua ma túy cho Nguyễn Đình S) L không biết đó là tiền S bán ma túy mà có. Ngày 10/02/2020 L đã tự nguyện giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý đối với L.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13/9/2019).

Phạt bổ sung bị cáo 1.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư do công an huyện Mai Sơn phát hành, bên trong chứa vỏ bì thư niêm phong vật chứng ban đầu, các ống hình trụ tròn có màu trắng bằng nhựa chứa ma túy ban đầu. Mặt trước phong bì ghi chữ: “*Vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu, các ống hình trụ tròn màu trắng bằng nhựa chứa ma túy ban đầu trong vụ Nguyễn Đình S tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 12/9/2019 tại tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La*”. Mặt sau phong bì được niêm phong đúng quy định, còn nguyên dấu niêm phong, không bóc mở niêm phong kiểm tra; 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa màu trắng có gắn ống hút bằng nhựa màu xanh đã qua sử dụng cũ; 01 ví da cá sấu màu nâu đen, đã qua sử dụng cũ; 01 phong bì thư do Công an huyện Mai Sơn phát hành, bên trong đựng que thử nước tiểu đối với Nguyễn Đình S. Mặt trước phong bì có ghi “que thử nước tiểu đối với Nguyễn Đình S ngày 16/9/2019” Mặt sau phong bì được niêm phong theo đúng quy định, còn nguyên niêm phong, không bóc mở niêm phong kiểm tra.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen kèm 02 sim; 350.000đ thu giữ khi bắt quả tang bị cáo. Số tiền 440.000đồng do Nguyễn Thị L giao nộp là tiền bị cáo S bán ma túy có được.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu itel màu xanh; số tiền 1.100.000đồng thu giữ của Nguyễn Đình S.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 thẻ ATM mang số 9704 0509 2258 2981, mang tên “NGUYEN THI L” của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank). 01 điện thoại IPHONE 6 màu trắng kèm 01 sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Huawel màu trắng.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà Đỗ Thị V số tiền 479.000.000đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

Báo cho bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ ;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga